

Số: 1069 /QĐ-BHXH

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu phân bổ dự toán thu, chi năm 2023**

**TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2949/QĐ-BHXH ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy chế công khai tài chính; quản lý, sử dụng tài sản; kết quả kiểm toán, thanh tra và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị thuộc hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Quyết định số 1586/QĐ-BHXH ngày 12 tháng 11 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế công khai tài chính; quản lý, sử dụng tài sản; kết quả kiểm toán, thanh tra và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị thuộc hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2949/QĐ-BHXH;

Căn cứ Quyết định số 807/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán chi khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2023;

Căn cứ Tờ trình số 96/TTr-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2023 và Công văn số 6159/BTC-HCSN ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính về việc tiếp thu, giải trình ý kiến Bộ

*Kế hoạch và Đầu tư đối với dự toán thu, chi và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 1067/QĐ-BHXH ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc giao dự toán thu, chi năm 2023;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu phân bổ dự toán thu, chi năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc gồm các nội dung:

Công khai số liệu phân bổ dự toán thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi bảo hiểm xã hội từ nguồn quỹ, chi bảo hiểm thất nghiệp; chi khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng ngành Bảo hiểm xã hội, Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam (*chi tiết tại Phụ lục I đính kèm*).

Công khai căn cứ, nguyên tắc và định mức phân bổ dự toán thu, chi năm 2023 (*chi tiết tại Phụ lục II đính kèm*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư; Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán; Trưởng ban Quản lý Thu - Sở, Thẻ; Trưởng ban Thực hiện chính sách bảo hiểm y tế; Chánh Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng ngành Bảo hiểm xã hội; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Văn phòng Hội đồng quản lý BHXH;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Công TTĐT BHXH Việt Nam (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHĐT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đào Việt Ánh**



**CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU BHXH, BHYT, BHTN  
VÀ DỰ TOÁN CHI BHXH, BHYT, BHTN; CHI PHÍ QUẢN LÝ BHXH, BHYT, BHTN  
GIAO CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số: 1069/QĐ-BHXH ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	BHXH	Dự toán thu BHXH, BHYT, BHTN	Dự toán chi BHXH, BHYT, BHTN; chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN
A	B	1	2
1	TP. Hà Nội	60.243.949	59.199.440
2	TP. Hồ Chí Minh	85.810.651	53.183.951
3	An Giang	4.037.200	4.505.509
4	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.496.208	4.703.494
5	Bạc Liêu	1.392.868	1.818.865
6	Bắc Giang	8.968.018	5.944.487
7	Bắc Kạn	802.571	983.779
8	Bắc Ninh	12.292.166	5.197.186
9	Bến Tre	3.214.460	3.231.844
10	Bình Dương	28.642.924	11.622.551
11	Bình Định	3.886.734	3.864.410
12	Bình Phước	4.013.014	2.621.004
13	Bình Thuận	2.995.833	2.760.595
14	Cà Mau	2.338.981	2.538.398
15	Cao Bằng	1.320.183	1.709.574
16	Cần Thơ	4.006.964	4.816.345
17	Đà Nẵng	6.568.396	7.177.933
18	Đắk Lắk	3.747.780	4.612.840
19	Đắk Nông	1.226.413	895.268
20	Điện Biên	1.400.647	1.341.164
21	Đồng Nai	26.500.277	14.968.741
22	Đồng Tháp	3.402.476	3.565.949
23	Gia Lai	2.819.351	3.111.228
24	Hà Giang	1.827.931	1.729.532
25	Hà Nam	4.040.151	2.511.747
26	Hà Tĩnh	3.339.232	4.504.619
27	Hải Dương	9.795.813	6.898.855
28	Hải Phòng	13.815.015	10.787.332
29	Hậu Giang	1.938.387	1.420.572
30	Hòa Bình	2.399.367	2.875.475
31	Hưng Yên	6.352.359	3.593.798
32	Khánh Hòa	4.100.248	4.397.625
33	Kiên Giang	3.683.554	3.477.347
34	Kon Tum	1.357.987	1.228.919
35	Lai Châu	989.646	731.424
36	Lạng Sơn	1.821.833	2.501.693
37	Lào Cai	2.033.721	1.896.562
38	Lâm Đồng	3.058.077	2.907.973
39	Long An	9.452.803	5.060.258
40	Nam Định	5.964.032	5.786.615
41	Nghệ An	8.639.119	12.225.490
42	Ninh Bình	3.734.552	3.829.934
43	Ninh Thuận	1.363.646	1.542.305
44	Phú Thọ	5.120.643	6.142.901



TT	BHXH	Dự toán thu BHXH, BHYT, BHTN	Dự toán chi BHXH, BHYT, BHTN; chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN
A	B	1	2
45	Phú Yên	1.981.167	2.120.063
46	Quảng Bình	2.365.660	3.161.468
47	Quảng Nam	5.218.821	4.416.595
48	Quảng Ngãi	3.721.448	2.954.864
49	Quảng Ninh	7.346.201	7.890.545
50	Quảng Trị	1.787.598	2.156.877
51	Sóc Trăng	2.470.619	2.555.560
52	Sơn La	2.506.776	2.680.511
53	Tây Ninh	5.476.788	3.777.819
54	Thái Bình	5.975.876	5.889.977
55	Thái Nguyên	6.396.261	6.086.674
56	Thanh Hóa	11.121.946	12.810.861
57	Thừa Thiên Huế	3.743.797	5.025.223
58	Tiền Giang	5.783.411	4.552.603
59	Trà Vinh	2.267.532	2.190.038
60	Tuyên Quang	1.943.141	2.836.554
61	Vĩnh Long	3.007.934	2.844.151
62	Vĩnh Phúc	6.473.289	4.352.448
63	Yên Bái	1.977.355	2.652.922
64	Văn phòng BHXH Việt Nam		250.804
65	Viện Khoa học BHXH		19.097
66	Trường ĐTNV BHXH		33.209
67	Trung tâm Công nghệ thông tin		20.874
68	Trung tâm Lưu trữ		15.501
69	Tạp chí BHXH		1.964
70	Trung tâm GD BHYT & TTĐT		16.494
71	Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ, chăm sóc khách hàng		15.303
72	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Ngành BHXH		94.702
73	Trung tâm Truyền thông		122.078

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM



## Phụ lục II

# CÔNG KHAI CĂN CỨ, NGUYÊN TẮC, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: ~~1069~~ /QĐ-BHXH ngày 20 tháng 7 năm 2023 của  
Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam) ✓

### I. Căn cứ, cơ sở phân bổ dự toán thu, chi năm 2023

Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội (BHXH) và trợ cấp hằng tháng;

Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hằng tháng;

Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT) và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN;

Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN;

Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế tài chính về BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN;

Thông tư số 24/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN;

Tờ trình số 96/TTr-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT, chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT năm 2023;

Công văn số 6159/BTC-HCSN ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Bộ Tài chính về việc tiếp thu, giải trình ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự toán thu, chi và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 807/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán chi khám, chữa bệnh BHYT năm 2023;

Quyết định số 447/QĐ-BHXH ngày 18 tháng 3 năm 2020 của BHXH Việt Nam về ban hành quy định về tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT đối với các đơn vị thuộc hệ thống BHXH Việt Nam.

## **II. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán thu, chi năm 2023**

### **1. Dự toán thu BHXH, BHYT, BHTN năm 2023**

Dự toán thu BHXH, BHYT, BHTN năm 2023 giao cho BHXH các tỉnh, thành phố dựa trên cơ sở dự toán thu, chi BHXH, BHYT, BHTN được Thủ tướng Chính phủ giao cho BHXH Việt Nam tại Quyết định số 807/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2023, được xác định trên cơ sở số người tham gia, mức đóng, tỷ lệ đóng, trong đó:

#### **1.1. Số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN**

Dự kiến số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN giao cho BHXH tỉnh căn cứ vào dân số, số lao động trên địa bàn, số lao động và dân số đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN và khả năng phát triển người tham gia.

Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội, khả năng phát triển lao động và các yếu tố ảnh hưởng (*một số chính sách tác động đến công tác thu, phát triển người tham gia BHXH, BHYT*) để xác định tỷ lệ tăng lao động cho phù hợp.

Trên cơ sở tỷ lệ tăng bình quân 03 năm trước liền kề và số báo cáo đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, tăng thấp nhất bằng tỷ lệ 03 năm nhưng không thấp hơn 3% so với thực hiện năm trước liền kề.

Số người tham gia BHTN được xác định trên cơ sở số người tham gia BHXH, riêng khối hành chính sự nghiệp loại trừ đối tượng là công chức.

#### **1.2. Về tiền lương bình quân**

##### **a) Lương cơ sở**

Tính tăng lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 theo quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Tăng thêm 12,5% trên mức lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2023 đối với các đối tượng đã được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP của Chính phủ theo quy định tại Nghị định số 42/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

Tăng thêm 20,8% trên mức lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hằng tháng của tháng 6 năm 2023 đối với các đối tượng chưa được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP của Chính phủ theo quy định tại Nghị định số 42/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Lương tối thiểu vùng

Không tính tăng lương tối thiểu vùng (*thực hiện theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP của Chính phủ*), trường hợp Chính phủ điều chỉnh tăng lương tối thiểu vùng thì thực hiện điều chỉnh tăng theo quy định.

Tính tăng mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH, BHYT, BHTN do tăng phụ cấp lương, các khoản bổ sung dự kiến khoảng từ 1%-2% so với tiền lương năm 2022.

**1.3. Về tỷ lệ đóng BHXH, BHYT, BHTN**

Tỷ lệ đóng BHXH bắt buộc (*bao gồm cả bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp*) là 25,5% mức tiền lương (*bao gồm cả phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác*) của người tham gia BHXH bắt buộc.

Tỷ lệ đóng BHXH tự nguyện là 22% mức thu nhập tháng người tham gia BHXH tự nguyện lựa chọn.

Tỷ lệ đóng BHYT là 4,5% mức tiền lương của người cùng tham gia BHXH, BHYT bắt buộc; 4,5% mức lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng, trợ cấp thất nghiệp; 4,5% mức lương cơ sở đối với các đối tượng còn lại.

Tỷ lệ đóng BHTN là 2% mức tiền lương của người tham gia BHTN.

**2. Dự toán chi BHXH, BHTN từ nguồn quỹ; chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN năm 2023**

**2.1. Dự toán chi BHXH, BHTN từ nguồn quỹ năm 2023**

Dự toán chi BHXH, BHTN năm 2023 giao cho BHXH các tỉnh trên cơ sở số người hưởng; mức chi và số chi, cụ thể:

a) *Dự toán chi BHXH*

Dự toán BHXH Việt Nam giao cho BHXH các tỉnh, thành phố đã tính đủ theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng của 06 tháng đầu năm và mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng của 06 tháng cuối năm; mức lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021; chưa gồm kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

Chưa bố trí kinh phí chi hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người bị TNLĐ-BNN khi trở lại làm việc theo quy định Luật An toàn, vệ sinh lao động.

b) *Dự toán chi BHTN*

BHXH Việt Nam đã giao đủ trong dự toán đầu năm kinh phí chi trợ cấp thất nghiệp và hỗ trợ học nghề.

Chưa bố trí kinh phí chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động và hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm theo quy định tại Điều 47 của Luật Việc làm.

## **2.2. Dự toán chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT năm 2023**

Dự toán chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT năm 2023 giao cho các đơn vị trên cơ sở dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao và phân bổ theo nguyên tắc sau:

Căn cứ vào số biên chế có mặt được Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam giao, đã tính theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng của 06 tháng đầu năm và mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng của 06 tháng cuối năm;

Căn cứ vào nhiệm vụ, khối lượng công việc và hoạt động nghiệp vụ quản lý của từng đơn vị trong năm 2023 đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao;

Căn cứ quy định tại Quyết định số 447/QĐ-BHXH ngày 18 tháng 3 năm 2020 của BHXH Việt Nam về ban hành quy định về tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT đối với các đơn vị thuộc hệ thống BHXH Việt Nam.

## **3. Dự toán chi khám, chữa bệnh BHYT năm 2023**

Dự toán chi khám, chữa bệnh BHYT năm 2023 được Thủ tướng Chính phủ giao cho các tỉnh, thành phố tại Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2023, số dự kiến chi khám, chữa bệnh BHYT năm 2023 được tính toán căn cứ tổng mức thanh toán năm 2022 được xác định theo quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật BHYT, dự kiến các yếu tố tăng, giảm chi phí khám, chữa bệnh BHYT trong năm./.

**BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**